suiteDXT

Hướng dẫn sử dụng

NeoSoft, LLC



NS-03-042-0009 Bản sửa đổi 1 Copyright 2021 NeoSoft, LLC Bảo lưu mọi quyền

Lịch sử sửa đổi

Bản sửa đổi	Ngày	Mô tả thay đổi	Thông tin cập nhật liên quan đến an toàn (Có/Không)
1	24/06/2021	Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.0.3.	Không



NeoSoft, LLC N27 W23910A Paul Road Pewaukee, WI 53072 USA

Điện thoại: 262-522-6120 trang web: www.neosoftllc.com

Bộ phận bán hàng: orders@neosoftmedical.com Bộ phận dịch vụ: service@neosoftmedical.com

Hướng dẫn sử dụng thiết bị này được cung cấp bằng hình thức điện tử ở Định dạng tài liệu di động, (.pdf). Cần có trình xem PDF để xem Hướng dẫn sử dụng. Bản in của Hướng dẫn sử dụng có thể được cung cấp miễn phí, theo yêu cầu, trong vòng 7 ngày theo lịch, bằng cách gửi email đến địa chỉ service@neosoftmedical.com.

Có thể truy cập Hướng dẫn sử dụng theo các cách sau:

- 1. Sau khi khởi chạy ứng dụng, nhấp vào "Trợ giúp" hoặc "Giới thiệu" từ màn hình chính. Chọn tùy chọn "Hướng dẫn sử dụng". Hướng dẫn sử dụng sẽ mở bằng trình xem pdf.
- 2. Nếu có sẵn gói cài đặt gốc nhận được từ NeoSoft, mở tệp nén zip và điều hướng đến thư mục "Tài liệu", sau đó là thư mục "Hướng dẫn sử dụng" và nhấp đúp vào Instructions for Use.pdf bằng ngôn ngữ của bạn, quy ước là EN tiếng Anh, FR tiếng Pháp, DE tiếng Đức, EL tiếng Hy Lạp, IT tiếng Ý, LT tiếng Litva, ES tiếng Tây Ban Nha, SV tiếng Thụy Điển, TR tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, RO tiếng Romania, NL tiếng Hà Lan, ZH_CN tiếng Trung giản thể, PT-PT tiếng Bồ Đào Nha, HU tiếng Hungary, JA tiếng Nhật, VI tiếng Việt.
- 3. Điều hướng đến thư mục nơi cài đặt ứng dụng. Xác định thư mục "Tài liệu", mở thư mục "Hướng dẫn sử dụng" và nhấp đúp vào Instructions for Use.pdf bằng ngôn ngữ của bạn, quy ước là EN tiếng Anh, FR tiếng Pháp, DE tiếng Đức, EL tiếng Hy Lạp, IT tiếng Ý, LT tiếng Litva, ES tiếng Tây Ban Nha, SV tiếng Thụy Điển, TR tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, RO tiếng Romania, NL tiếng Hà Lan, ZH_CN tiếng Trung giản thể, PT-PT tiếng Bồ Đào Nha, HU tiếng Hungary, JA tiếng Nhật, VI tiếng Việt.
- Bản Hướng dẫn sử dụng ở dạng điện tử cũng có sẵn tại www.neosoftllc.com/neosoft/product_manuals/ trong ít nhất 15 năm kể từ ngày sản xuất gần nhất.

Quy định về thiết bị y tế

Sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu theo Quy định về thiết bị y tế (EU) 2017/745 đối với thiết bị y tế khi có Dấu tuân thủ CE sau:





Sản phẩm này là Thiết bị y tế:



Đại diện khu vực châu Âu: EMERGO EUROPE Prinsessegracht 20 2514 AP The Hague The Netherlands

Nhà nhập khẩu và đại diện được ủy quyền tại Thụy Sĩ:

MedEnvoy Switzerland Gotthardstrasse 28 6300 Zug Switzerland Nhà nhập khẩu EU:

MedEnvoy Global B.V. Pr. Margrietplantsoen 33, Suite 123, 2595 AM The Hauge The Netherlands

Đại diện được ủy quyền tại Malaysia: Emergo Malaysia Sdn. Bhd. Level 16, 1 Sentral Jalan Stesen Sentral 5 KL Sentral, 50470 Kuala Lumpur MALAYSIA

Số đăng ký thiết bị y tế tại Malaysia: GB10979720-50888

Canada: Số giấy phép thiết bị Health Canada: 99490

A THẬN TRỌNG: Luật liên bang Hoa Kỳ nghiêm cấm bác sĩ bán thiết bị này và nghiêm cấm việc bán thiết bị này theo yêu cầu của bác sĩ.

Mọi sự cố nghiêm trọng đã xảy ra liên quan đến thiết bị này đều cần phải được báo cáo cho NeoSoft và cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên.

Мџс Іџс

Quy định về thiết bị y tế i

An toàn **1** *Giới thiệu 1 Mục đích sử dụng 1 Chỉ định sử dụng 1 Định dạng hình ảnh DICOM được hỗ trợ 1 Thuật ngữ 2 Nguy hiểm do thiết bị 2*

Bắt đầu 3

Chức năng trên màn hình chính 3 Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu 4 Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh 4 Cửa sổ truy ván/truy xuất 5 Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả 6 Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh 6

Sử dụng suiteDXT 7

Khởi chạy ứng dụng 7 Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa 8 Tao bô loc 9 Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa 9 Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa 10 Đèn báo ô nghiên cứu 10 Gửi tệp NeoSoft DICOM 11 Nhập nghiên cứu 11 Xuất nghiên cứu **11** Thực hiện tìm kiếm **12** Tạo thư mục **13** Ån thông tin của nghiên cứu 14 Bảo vệ chống xóa **14** Xóa nghiên cứu 15 Xóa chuỗi ảnh **15** Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp 15 Giới thiệu về suiteDXT **16**

Tiền xử lý nghiên cứu Cấu hình tiền xử lý Sử dụng tính năng tiền xử lý Đèn báo ô nghiên cứu Virtual Fellow[®] **20** Bật/tắt Virtual Fellow[®] **20** Cửa sổ xem trước hình ảnh **21**

Dịch vụ và hỗ trợ Lỗi mạng DICOM Lỗi khởi chạy nghiên cứu Khởi động lại dịch vụ Liên hệ **24**

An toàn

Giới thiệu

Để đảm bảo sử dụng hiệu quả và an toàn, bạn cần đọc mục an toàn này và tất cả các chủ đề liên quan trước khi sử dụng phần mềm. Bạn cần đọc và hiểu nội dung của hướng dẫn này trước khi sử dụng sản phẩm này. Bạn nên thường xuyên xem lại các quy trình và các biện pháp phòng ngừa an toàn.

Chỉ nhân viên đã qua đào tạo và có chuyên môn mới được sử dụng phần mềm này.

Phần mềm suiteDXT có thời hạn sử dụng hữu ích dự kiến là 7 năm kể từ ngày phát hành ban đầu.

Mục đích sử dụng

suiteDXT nhằm mục đích giúp người dùng có thể quản lý giao tiếp mạng DICOM, lưu trữ hình ảnh DICOM được hỗ trợ, nhập hình ảnh DICOM được hỗ trợ từ hệ thống tệp cục bộ, thực hiện ẩn thông tin của nghiên cứu và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Phần mềm này được thiết kế để làm vị trí lưu tạm thời.

Chỉ định sử dụng

suiteDXT được thiết kế để giúp người dùng có thể nhập, xuất, ẩn thông tin hình ảnh DICOM và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Sản phẩm này không có chức năng hoặc mục đích chẩn đoán y tế.

Các định dạng ảnh DICOM được hỗ trợ

suiteDXT hỗ trợ định dạng DICOM sau đây; MR và MR tăng cường.

LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

Tham khảo hướng dẫn Tuyên bố hợp quy suiteDXT DICOM để biết thêm chi tiết về các định dạng được hỗ trợ.

Thuật ngữ

Thuật ngữ nguy hiểm, cảnh báo và thận trọng được sử dụng trong toàn bộ tài liệu hướng dẫn này để chỉ ra các mối nguy hiểm và chỉ định cấp độ hoặc mức độ nghiêm trọng. Nguy hiểm được định nghĩa là nguồn gây thương tích tiềm ẩn cho con người. Tìm hiểu phần mô tả thuật ngữ được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1:	Thuật	ngữ	an	toàn
---------	-------	-----	----	------

Hình ảnh	Định nghĩa
MGUY HIÊM:	Nguy hiểm là thuật ngữ được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm cụ thể, xác định <u>sẽ</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
CẢNH BÁO:	Cảnh báo được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm cụ thể <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
THẬN TRỌNG:	Thận trọng được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm tiềm ẩn <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nhẹ hoặc thiệt hại tài sản nếu bỏ qua hướng dẫn.

Nguy hiểm do thiết bị

THẬN TRỌNG: Việc sử dụng thiết bị hỏng hóc hoặc đã được điều chỉnh có thể khiến bệnh nhân gặp rủi ro do làm chậm quá trình chẩn đoán. Đảm bảo thiết bị hoạt động đúng cách.

THẬN TRỌNG: Các ứng dụng chạy trên thiết bị bao gồm một hoặc nhiều ổ đĩa cứng, có thể lưu giữ dữ liệu y tế liên quan đến bệnh nhân. Ở một số quốc gia, các thiết bị như vậy có thể phải tuân theo các quy định liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân và lưu hành tự do dữ liệu như vậy. Việc tiết lộ dữ liệu cá nhân có thể dẫn đến truy cứu pháp lý tùy thuộc vào cơ quan quản lý hiện hành. Khuyến nghị giới hạn quyền truy cập hồ sơ bệnh nhân. Người dùng có trách nhiệm tìm hiểu các luật quy định về thông tin bệnh nhân.

Bắt đầu

Các chức năng trên màn hình chính

HÌNH 1. Màn hình chính

-Launch Application	Launch 2	ker	» <mark>4</mark>					5 Configuration 6 About
Studies: 304	ient Name 🔻	Patient ID	Study Date	Transferred To	Delete Protected	Accession	Study ID	Referring Phys
10 Send FF 10 Send FF 11 Inport 12 Accompany 13 Colore 14 Sear Padder 10 Send FF FT FT FT FT FT FT FT FT FT	X How MOE TI Philips In/12 Mapping Demo 5.0.2, 2020 mpiski TI Mapping en 51 excess (10) deattMAO TI Mapping, 202010 lyocarditis TI Mapping tomail iomail TI Mapping extime Simeners, 2019064251121924 RVREST, 20180702111933 #Workshop Cases 2020 (61) #CoW	ANONYMOUS, 201994221159904, JO ANONYMOUS, 202008241114035, JO ANONYMOUS, 20200702115904, JO ANONYMOUS, 202007021159058, JO ANONYMOUS, 202007021114314, JO ANONYMOUS, 202007021114314, JO ANONYMOUS, 20190070211131383, JO ANONYMOUS, 2019070211131384, JO ANONYMOUS, 201907021111953, JO ANONYMOUS, 201907021111953, JO	12/4/2017 2-2844 PM 8/1/2017 2-8811 AM 5/3/2017 2-8611 AM 5/21/2017 1-38-41 PM 6/21/2017 1-38-41 PM 1/3/2020 9:17:58 AM 4/18/2019 9:5653 AM 1/23/2020 10:10:01 AM 1/23/2020 10:10:01 AM 1/23/2020 11:10:01 AM 1/23/2020 11:10:01 AM 1/23/2020 11:10:01 AM 1/23/2020 11:10:01 AM	CLINICALPACS	No Na No No No No No No No	ANCNYMIZED	ANONYMIZED ANONYMIZED ANONYMIZED ANONYMIZED ANONYMIZED ANONYMIZED ANONYMIZED 538488785	
Series: 15	40 Elev Countin ACD 101776	ANAAAAAUE 2012051271-0518 D	1000016 40010 804		Ma		44/24/03/1710	>
18 Series 19 Series 20 Series 0 7 8 9 10 11 12 13	# # Images Description 22 JPlane Loc: File 18 Sag FIESTA 29 Ar FIESTA 20 An Root Loc 20 An Root Loc 20 An Root 20 LAu Loc 20 An Root Loc 20 An Root Loc 20 An Root Loc Sar Loc Sar Loc Sar Loc	17	Medility Manufasture MR GE MEDICAL S MR GE MEDICAL S	YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS YSTEMS	Transferred To	Transferred	Date	2

- 1. Menu kéo xuống Khởi chạy ứng dụng liệt kê các ứng dụng được cấu hình.
- 2. Khởi chạy khởi chạy các ứng dụng NeoSoft, LLC được cấu hình.
- 3. Bộ lọc nghiên cứu xác định khoảng ngày mà các nghiên cứu được hiển thị trong danh sách nghiên cứu.
- 4. Làm mới cập nhật dạng xem dựa trên tiêu chí do người dùng chọn.
- 5. Cấu hình mở Cửa sổ cấu hình.
- Giới thiệu hiển thị phiên bản phần mềm suiteDXT/liên kết tới Hướng dẫn sử dụng. Tuyên bố hợp quy DICOM và Lưu trữ tệp nhật ký để được hỗ trợ.
- 7. Tiêu đề nghiên cứu hiển thị số lượng nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
- 8. Trường tìm kiếm tự động tìm kiếm theo bất kỳ cột nào, với kết quả có hoặc không được phân loại.
- 9. Tìm mở cửa sổ Truy vấn/Truy xuất.
- 10. Gửi đẩy dữ liệu nghiên cứu cục bộ đến máy chủ từ xa.
- 11. Nhập cho phép nhập thông tin nghiên cứu từ hệ thống tệp, CD, DVD hoặc phương tiện USB.
- 12. **Ấn danh** tạo nghiên cứu mới với dữ liệu cụ thể của bệnh nhân đã được xóa bỏ.
- 13. Xóa xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
- 14. Thư mục mới tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu.
- 15. Ô nghiên cứu hiển thị thông tin nghiên cứu cho các nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.

- 16. Tiêu đề chuỗi ảnh hiển thị số lượng chuỗi ảnh trong nghiên cứu được chọn.
- 17. Ô chuỗi ảnh hiển thị thông tin chuỗi ảnh cho nghiên cứu được chọn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
- 18. **Gửi** đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa.
- 19. Xóa xóa chuỗi ảnh khỏi nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM.
- 20. Hiển thị xem trước xem trước chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS cine và báo cáo CAS.
- 21. Chỉ báo mức sử dụng ổ đĩa hiển thị tỷ lệ phần trăm của tổng dung lượng ổ đĩa cục bộ đã sử dụng để lưu dữ liệu hình ảnh.
- 22. Trạng thái tiền xử lý cho biết trạng thái cấu hình tiền xử lý hiện tại (Bật/Tắt).
- 23. Đèn báo trạng thái Virtual Fellow® cho biết trạng thái cấu hình hiện tại của Virtual Fellow® (Bật/Tắt).
- 24. Trạng thái mạng hiển thị nếu suiteDXT hiện đang truyền dữ liệu DICOM qua mạng.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu

HÌNH 2. Nhấp chuột phải vào menu

Send Study Export Study	>	Scan 1 Cardiac
Preprocess	>	All
Delete Protect		Function
Set Origin		Flow
Unlock		Myocardial Evaluation
Delete		T1 Mapping
Move to Folder		T2 Mapping
Open Study Location		Remove from Preprocessing

- Gửi nghiên cứu đẩy dữ liệu nghiên cứu từ máy chủ cục bộ đến máy chủ từ xa. Có thể được cấu hình để chỉ gửi chuỗi ảnh NeoSoft DICOM. (Xem hướng dẫn Cài đặt)
- Xuất nghiên cứu lưu dữ liệu nghiên cứu, cho nhóm nghiên cứu đã chọn, trong tệp nén .zip.
- Tiền xử lý thực hiện tiền xử lý tất cả các chuỗi ảnh được cấu hình hoặc chỉ chuỗi ảnh Chức năng, Lưu lượng, Đánh giá cơ tim, Ánh xạ T1 và Ánh xạ T2; để xóa nghiên cứu khỏi hàng đợi, chọn "Xóa khỏi hàng đợi tiền xử lý".
- Bảo vệ chống xóa cài đặt tính năng Bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu (Có/Không)
- Đặt nguồn gốc được quản trị viên mạng sử dụng để đặt tiêu đề AE nhằm kiểm soát quyền truy cập.
- Mở khóa đặt lại khóa và mở nghiên cứu đã bị khóa sau khi hệ thống gặp sự cố.
- Xóa xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
- Chuyển đến thư mục chuyển nghiên cứu đến thư mục được tạo.
- Mở vị trí dữ liệu nghiên cứu hiển thị vị trí của dữ liệu DICOM trên hệ thống tệp cục bộ.

LƯU Ý: Không áp dụng tiền xử lý cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh

Send	• Gửi - đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa.
Delete	 Xoa - xóa chuối anh khối nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM. Chỉ tiết - mội gửa số chi tiết chuỗi ảnh
Details	 Chí tiệt - hộ cửa số chỉ tiết chuối anh. Cấu hình tiền xử lý - tự động điền tên chuỗi ảnh cho chuỗi ảnh Chức năng lưu lượng. Đánh giá cơ
Configure Preprocess 🕨	tim, Ánh xạ T1 và Ánh xạ T2.

LƯU Ý: Không áp dụng Cấu hình tiền xử lý cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất

HÌNH 3. Cửa sổ truy vấn/truy xuất

Query Filter							
Patient Last Name: sh		Study ID:		2 Overv			
Patient First Name:	Act	ression Number:		- 4001			1
			3 Query Source	CLINICALPACS	~		
Patient ID:		Modality: MR			=		
Date: All	~			4 Save Filter			
Query Results: 49 Matches Found	5						
7	Patient Name	▼ Patient ID	Study Description	Accession	Study Date	Study ID	Mod ^
Retrieve	SH Case 05	AW2066758685.410	No Value Returned	No Value Retur	7/29/2014 10:17:37 AM	MR20140006403	MR
	SH Case 01	AW1160355509.192	No Value Returned	No Value Retur	4/29/2014 12:18:01 PM	7436	MR
Retrieve and Preprocess	SH Case 02	AW1696004290.551	No Value Returned	No Value Retur	1/7/2011 8:40:42 AM	17610	MR
	SH Case 03	AW1523419194.749	No Value Returned	No Value Retur	5/20/2013 10:25:55 AM	2870	MR
9 Clear Query Reg (ts	SH Case 04	AW1148450914.118	No Value Returned	No Value Retur	12/16/2013 10:28:28 AM	MCARD	MR
Cita gao y income	<					1110104 41350	
	Series: 28						
	Series # 👻 Image	s Description		Modality Ma	anufacturer	1	^
Retrieve	1 No Val	ue 3-pl Loc Fiesta		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	2 No Val	ue calibration ASSET		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	3 No Val	ue Ax Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	4 No Val	ue LAx Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	5 No Val	ue Ao Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	6 No Val	ue PA Root		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		<u> </u>
- Retrieve Results							
	Patient Name	Patient ID	Accession	Status	Program	Details	
13 Cancel	SH Case 02	AW16960042	PACCESSION	Complete	Progress	1107 Tel	al 1107 Succe
	STEEDE	74111030004		compiete		110110	
14 Clear Retrieve Results							
	<						,
							-

- Bộ lọc truy vấn có thể được sử dụng để tìm kiếm các nghiên cứu cụ thể theo Tên và họ của bệnh nhân, ID bệnh nhân, ID nghiên cứu, Mã số và ngày truy nhập. Có thể sử dụng * (dấu hoa thị) làm ký tự trong bất kỳ trường nào (ngoại trừ trường ngày).
- Truy vấn thực hiện truy vấn thiết bị từ xa. Nếu tất cả các trường được để trống, truy vấn sẽ trả lại toàn bộ kết quả.
- 3. Menu kéo xuống nguồn truy vấn hiển thị thiết bị từ xa được cấu hình có sẵn để truy vấn / truy xuất.
- 4. Lưu bộ lọc cài đặt tham số truy vấn mặc định.
- 5. Kết quả truy vấn hiển thị số lượng nghiên cứu phù hợp với tiêu chí truy vấn.
- 6. Ô kết quả truy vấn hiển thị thông tin nghiên cứu của thiết bị từ xa được truy vấn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
- 7. Truy xuất thực hiện truy xuất nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.
- 8. Truy xuất và tiền xử lý- thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.
- 9. Xóa kết quả truy vấn xóa kết quả truy vấn trong ô nghiên cứu.
- 10. Ô chuỗi ảnh hiển thị thông tin chuỗi ảnh của nghiên cứu được đánh dấu trong ô nghiên cứu.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
- 11. Truy xuất thực hiện truy xuất chuỗi ảnh đã chọn từ thiết bị từ xa.
- 12. Ô trạng thái truyền hiển thị tác vụ truy xuất hiện tại và đã hoàn thành.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột.

- 13. Hủy dừng hoạt động truyền.
- 14. Xóa kết quả truy xuất xóa hoạt động truyền trong ô truyền đối với các nghiên cứu đã hoàn thành quá trình truyền.

HẬN TRỌNG: Hình ảnh đã truyền sẽ được lưu giữ cục bộ và hiển thị trong Màn hình chính suiteDXT, mặc dù không phải tất cả các hình ảnh cho nghiên cứu đều có thể đã được truyền.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả

HÌNH 4. Nhấp chuột phải vào menu

Retrieve Retrieve and Preprocess

- Truy xuất thực hiện truy xuất nghiên cứu từ máy chủ từ xa.
- Truy xuất và tiền xử lý thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh

HÌNH 5. Nhấp chuột phải vào menu

Retrieve

• Truy xuất - thực hiện truy xuất chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa.

Sử dụng suiteDXT

Khởi chạy ứng dụng

Có thể thêm các ứng dụng khác theo hướng dẫn sau đây trong Hướng dẫn cài đặt.

- 1. Truy cập Màn hình chính.
- 2. Từ menu thả xuống Khởi chạy ứng dụng, chọn ứng dụng mong muốn.

HÌNH 1. Khởi chạy ứng dụng

Launch Application	Launch	Study Filter	Refresh	
	Patient Name	Study Date	Patient ID	Study Descri
Find	Case 52, 20180921T142741	11/16/2017 10:52:28 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
	Case 53, 20180921T151350	09/14/2017 11:14:55 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
Send	Case 54, 20180921T160143	03/13/2017 10:01:08 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
	Case 55, 20180923T135256	01/05/2006 4:35:13 PM	ANONYMOUS_20180	CARDIAC Pe

- 3. Chọn nghiên cứu từ danh sách nghiên cứu và thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Chọn Khởi chạy.
 - Nhấp đúp vào nghiên cứu.

Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt.

1. Chọn Tìm trên Màn hình chính.

HÌNH 2. Tìm trên Màn hình chính

Launch Application		Study Filter		
suiteHEART	Launch	All	Refresh	
rie d	Patient Name	Study Date	Patient ID	Study Description
Fina	Case 52, 20180921T142741	11/16/2017 10:52:28 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
	Case 53, 20180921T151350	09/14/2017 11:14:55 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
Send	Case 54, 20180921T160143	03/13/2017 10:01:08 AM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
	Case 55, 20180923T135256	01/05/2006 4:35:13 PM	ANONYMOUS_20180	CARDIAC Pericardium
	Case 56, 20180923T160407	07/20/2015 1:29:12 PM	ANONYMOUS_20180	Cardiac
Import	Case 57, 20181106T135738	10/26/2018 10:29:40 AM	ANONYMOUS_20181	Cardiac
				and the second se

- Trong cửa sổ Truy vấn/Truy xuất, nhập mọi tiêu chí về thông tin nghiên cứu trong vùng Bộ lọc truy vấn.
 Các tùy chọn của Bộ lọc bao gồm:
 - Họ của bệnh nhân
 - Tên bệnh nhân
 - ID bệnh nhân
 - ID nghiên cứu
 - Mã số truy nhập
 - Khoảng ngày

HÌNH 3. Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất

Cuery Filter							
Patient Last Name: sh		Study ID:	-	Oueru			
Patient First Name:		Accession N mber:		doe h	_		
			Ouery Source		~		
Patient ID:		Modality: MR			=		
Date: All	~			Save Filter			
Query Results: 49 Matches Found							
	Patient Name	▼ Patient ID	Study Description	Accession	Study Date	Study ID	Mod ^
Retneve	SH Case 05	AW2066758685.410	No Value Returned	No Value Retur	7/29/2014 10:17:37 AM	MR20140006403	MR
	SH Case 01	AW1160355509.192	No Value Returned	No Value Retur	4/29/2014 12:18:01 PM	7436	MR
Retrieve and Preprocess	SH Case 02	AW1696004290.551	No Value Returned	No Value Retur	1/7/2011 8:40:42 AM	17610	MR
	SH Case 03	AW1523419194.749	No Value Returned	No Value Retur	5/20/2013 10:25:55 AM	2870	MR
Clear Ouery Results	SH Case 04	AW1148450914.118	No Value Returned	No Value Retur	12/16/2013 10:28:28 AM	MCARD	MR
	<			1110103-0350		1110184 4370	>
	Series: 28						1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 - 1998 -
a start	Series # 👻 Im	nages Description		Modality Ma	anufacturer	1	^
Retrieve	1 N	o Value 3-pl Loc Fiesta		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	2 N	o Value calibration ASSET		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	3 N	o Value Ax Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	4 N	o Value LAx Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	5 N	o Value Ao Loc		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		
	6 N	o Value PA Root		MR GE	MEDICAL SYSTEMS		~
Retrieve Results							
	Patient Name	▼ Patient ID	Accession	Status	Progress	Details	
Cancel	SH Case 02	AW1696004	290.551	Complete		1107 Te	tal, 1107 Succe
Clear Retrieve Results							

- 3. Từ menu kéo xuống Nguồn truy vấn, chọn máy chủ từ xa.
- 4. Chọn Truy vấn.

Các nghiên cứu phù hợp với tiêu chí mà bạn đã nhập sẽ được đưa vào danh sách nghiên cứu.

Thao tác nhấp vào nghiên cứu sẽ hiển thị danh sách thông tin chuỗi ảnh.

- 5. Chọn nghiên cứu mong muốn.
- 6. Chọn Truy xuất dưới danh sách nghiên cứu hoặc nhấp chuột phải và chọn Truy xuất từ menu bật lên.
- 7. Thực hiện tiền xử lý bằng cách chọn Truy xuất và Tiền xử lý.
- 8. Để truy xuất theo chuỗi ảnh, chọn chuỗi ảnh và nhấp vào Truy xuất bên dưới danh sách chuỗi ảnh.

Tiến trình truy xuất được hiển thị trong mục Kết quả truy xuất phía dưới cửa sổ. Trong khi ở phía dưới của Màn hình chính, trạng thái "Không có hoạt động mạng DICOM" được thay đổi thành "Mạng DICOM hoạt động".

LƯU Ý: Trong trường hợp nghiên cứu không chuyển sang toàn bộ, đèn báo tiến trình sẽ chuyển thành màu đỏ.

Tạo bộ lọc

Có thể tạo và lưu bộ lọc để sử dụng cùng tham số tìm kiếm mỗi lần thao tác, ví dụ: khoảng ngày. Nhập tiêu chí sẽ sử dụng, có thể điền nhiều hơn một tham số và chọn Lưu bộ lọc. Tất cả các truy vấn trong tương lai sẽ sử dụng bộ lọc đã lưu. Bất cứ khi nào bộ lọc mới được tạo, nó sẽ ghi đè lên bộ lọc cũ.

Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, hãy xem

Hướng dẫn cài đặt.

LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

- 1. Đánh dấu nghiên cứu cần gửi.
- 2. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi nghiên cứu từ menu bật lên.
- 3. Chọn đích cần gửi đến.
- 4. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.

Cửa sổ Gửi DICOM sẽ hiển thị tiến trình truyền. Có thể đóng cửa sổ này bằng cách nhấp vào dấu X ở góc trên bên phải, trong khi hoạt động truyền chạy ở chế độ nền.

Để kiểm tra tiến trình sau khi cửa sổ Gửi DICOM đóng, chọn Gửi, sau đó chọn Trạng thái.

HÌNH 4. Cửa sổ Gửi DICOM

Patient Name	▼ Study Description Accession	Status	Progress	Details	Stu
#Case 31	Cardiac	In Progress		2743 Total, 1181 Success	6/2
		N.:			
<					>
			Ca	ancel Clear List	
					- A

 Những nghiên cứu đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trên danh sách nghiên cứu chính.

HÌNH 5. Truyền đến

Find	Patient Name 🔻	Patient ID	Study Date	Transferred To	Delete Protected Accession	Study ID	Referring Phys
	Q						
Send	# FX Flow MDE T1 Philips	ANONYMOUS_20190422T150604_ID	12/4/2017 2:28:44 PM	CLINICALPACS	No	ANONYMIZED	
	# T1/T2 Mapping Demo 5.0.2, 2020	ANONYMOUS_20200924T114035_ID	8/1/2017 7:43:11 AM		No		
	#Amyloid TI Mapping	ANONYMOUS 20200702T155040 ID	5/31/2017 8:36:41 AM		No		

Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa

- 1. Đánh dấu nghiên cứu.
- 2. Đánh dấu chuỗi ảnh được yêu cầu.
- 3. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi từ menu bật lên.
- 4. Chọn đích cần gửi đến.
- 5. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.
- Chuỗi ảnh đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trong ô chuỗi ảnh.

HÌNH 6. Ô chuỗi ảnh truyền

III		- <u>11</u> (2)							
	Fond	Series #	▼ Images	Description	Modali	ty Manufacturer	Transferred To	Transferred Date	Γ
	Seria	101	50	Survey	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM	
	_	201	30	SSFP_AX	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM	
	Delete	301	30	BB_SSh_BH	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM	

Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh lam nhạt	Chưa hoàn thành quá trình truyền hình ảnh hoặc hình ảnh đã được truyền đến nhiều máy chủ từ xa.
Hình tròn màu xanh lá	Tất cả hình ảnh trong nghiên cứu đã được truyền đến một máy chủ từ xa.

Gửi tệp NeoSoft DICOM

Các tệp đã được tạo bằng phần mềm có thể được kết nối riêng. Tham khảo Hướng dẫn cài đặt để biết cấu hình.

- 1. Đánh dấu nghiên cứu.
- 2. Nhấp chuột phải và chọn Gửi NeoSoft DICOM.
- 3. Chọn đích DICOM.

Send NeoSoft DICOM	>
Export Study	
Preprocess	>
Delete Protect	

Nhập nghiên cứu

Nghiên cứu chứa dữ liệu DICOM có thể được nhập từ hệ thống tệp cục bộ, ổ đĩa được ánh xạ, CD, DVD và USB, bao gồm nhập các thư mục đã được nén. Sau khi chèn một trong các phương tiện chứa dữ liệu DICOM mong muốn, hãy làm theo các bước dưới đây.

LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

- 1. Trên Màn hình chính, chọn Nhập.
- 2. Điều hướng đến vị trí chứa dữ liệu DICOM.
- 3. Chọn OK.

Cửa sổ Tiến trình nhập tệp hiển thị trạng thái nhập tệp DICOM. Tóm tắt nhập hiển thị tổng số tệp được tìm thấy, tệp được nhập, số lượng nghiên cứu và thông tin về nghiên cứu được nhập.

(Các) nghiên cứu mới được nhập được bổ sung vào danh sách nghiên cứu trên Màn hình chính của suiteDXT.

Có thể nhập dữ liệu mẫu được cung cấp vào suiteDXT.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu không nhập toàn bộ, nhấp vào Thử lại trên màn hình Tóm tắt nhập.

Xuất nghiên cứu

Các nghiên cứu đã được phân tích có thể được xuất từ danh mục nghiên cứu chính ở định dạng tệp .zip.

- 1. Đánh dấu nghiên cứu hoặc chọn nhóm nghiên cứu bằng cách nhấn Ctrl +Shift.
- 2. Nhấp chuột phải và chọn Xuất.
- 3. Tùy chỉnh tên tệp bằng cách nhấp vào tab Cấu hình > Bộ lưu trữ cục bộ.
- 4. Chọn thuộc tính tệp mong muốn như được minh họa trong Hình 7.

HÌNH 7. Xuất mẫu tên tệp

DICOM Configuration Local Storage	Application Launch Permissions	Feature Licensing						
		80%						
Local DICOM File Location								
C:\ProgramData\WeoSoft\suiteDX	C:\ProgramData\WeoSoft\suiteDXT\Images\							
Maintenance								
Synchronize DB	Restart Service							
Lato Delete								
Disk Usage > 80 %	Disk Usage > 80 %							
Study is fully transferred t	Study is fully transferred to a DECCM destination							
	ExportSettings							
Export Filename Pattern	Export Filename Pattern							
InstitutionPatient Name_Export In	mestamp							
Patient Name	Patient ID	Study Description						
Accession	Study Date	Study ID						
Export Timestamp	Institution	Referring Phys						
		OK Cancel						

Thực hiện nghiên cứu

Mỗi cột có thể được tự động tìm kiếm với kết quả có hoặc không được phân loại. Kết quả tìm kiếm không phân biệt chữ hoa/chữ thường và sẽ tự động hiển thị kết quả lên đầu danh sách.

Patient Name	✓ Patient ID	Study Date	Transferred To	Delete Protected	Accession S	Study ID	Referring Phys
Case	⊗→						
SH Case 02	AW1696004290.551.1411990037	1/7/2011 8:40:42 AM		No	1	7610	
SH Case 03	AW1523419194.749.1411990120	5/20/2013 10:25:55 AM		No	2	2870	

- Sau khi tìm được kết quả đầu tiên, thao tác nhấn vào phím ENTER trên bàn phím hoặc mũi tên trong trường tìm kiếm sẽ giúp chuyển sang kết quả tiếp theo.
- Thao tác nhấn đồng thời phím ENTER và phím SHIFT trên bàn phím sẽ giúp chọn kết quả trước đó.
- Thao tác nhấn phím ENTER, có hoặc không nhấn phím SHIFT, trên bàn phím khi kết thúc kết quả tìm kiếm sẽ chuyển bạn đến vị trí bắt đầu của kết quả tìm kiếm.
- Trường tìm kiếm sẽ bị xóa sau khi nhấn
- LƯU Ý: Để tìm kiếm bao gồm các thư mục trong danh sách nghiên cứu, phải mở rộng thư mục. Nhấp chuột phải vào thư mục và chọn Mở rộng tất cả.

Tạo thư mục

Có thể tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu ở cấp danh sách nghiên cứu.

- 1. Nhấp vào Thư mục mới.
- 2. Nhập tên thư mục và nhấp vào Lưu.

Giờ đây thư mục sẽ ở trong danh sách nghiên cứu.

New Folder			×
Enter new folder name:			
Cardiomyopathy Cases			
	Save	Close	

- 3. Chuyển nghiên cứu đến thư mục bằng cách nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
- 4. Khi hộp thoại Thư mục mở ra, hãy chọn thư mục đúng để chuyển nghiên cứu vào.



- 1. Chuyển nghiên cứu trở lại danh mục chính bằng cách nhấp vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
- 2. Nhấp vào Chuyển đến gốc.

Ẩn thông tin của nghiên cứu



THẬN TRỌNG: Thao tác ẩn thông tin của nghiên cứu không làm xóa dữ liệu bệnh nhân khỏi hình ảnh được tạo từ phần mềm hậu xử lý khác.



THẬN TRỌNG: Chỉ nên sử dụng nghiên cứu được ẩn thông tin với các ứng dụng NeoSoft, LLC.

- 1. Trên Màn hình chính, chọn nghiên cứu cần ẩn thông tin.
- 2. Chọn Ẩn thông tin.
- 3. Điền vào các trường ẩn thông tin hiển thị trong Hình 9.
- 4. Để không đưa các chuỗi ảnh chụp thứ cấp NeoSoft vào, hãy bỏ chọn tùy chọn này.
- 5. Nhấp vào Ấn thông tin.

HÌNH 9. Ẩn thông tin của nghiên cứu

Anonymize Study		×
Anonymized Patient Name:	🗹 Append Date	e/Time
 Anonymized Patient ID:		
Anonymized Institution		
Anonymized Study Date:		
6/ 1/2021		Anonymize
✓ Include NeoSoft Secondary Capture Series		

Đèn báo tiến trình sẽ hiển thị. Nghiên cứu mới được ẩn thông tin sẽ xuất hiện trong danh sách nghiên cứu.

6. Nhấp vào "OK" trên cửa sổ bật lên Ẩn thông tin của nghiên cứu.

LƯU Ý: Tính năng ẩn thông tin khả dụng cho mục đích hỗ trợ NeoSoft.

Bảo vệ chống xóa

Để cài đặt bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu, nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Bảo vệ chống xóa. Cột đèn báo sẽ hiển thị "Có" cho các nghiên cứu được bảo vệ và "Không" cho các nghiên cứu không được bảo vệ như được minh họa trong Hình 10. Để tắt tính năng bảo vệ chống xóa, nhấp chuột phải và chọn Gỡ bỏ bảo vệ chống xóa.

Patient Name	Patient ID	Study Date	Transferred To	Delete Protected	Accession	Study ID	Referring Phys
Q							
# FX Flow MDE T1 Philips	ANONYMOUS_20190422T150604_ID	12/4/2017 2:28:44 PM	CLINICALPACS	Yes		ANONYMIZED	
# T1/T2 Mapping Demo 5.0.2, 2020	. ANONYMOUS_20200924T114035_ID	8/1/2017 7:43:11 AM		Yes			
#Amyloid T1 Mapping	ANONYMOUS_20200702T155040_ID	5/31/2017 8:36:41 AM		No		ANONYMIZED	
#Case 31	ANONYMOUS_20200702T090158_ID	6/21/2017 1:34:41 PM	CLINICALPACS	No		ANONYMIZED	

HÌNH 10. Đèn báo của cột bảo vệ chống xóa

Xóa nghiên cứu



HẬN TRỌNG: Xóa dữ liệu khỏi hệ thống tệp, bao gồm các tệp cho nghiên cứu mở hiện tại, có thể khiến mất dữ liệu phân tích/hình ảnh.

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu cần xóa và chọn Xóa hoặc nhấp chuột phải và chọn Xóa khỏi menu bật lên. Thao tác "Nhấp giữ phím Shift" hoặc "Nhấp giữ phím Ctrl" sẽ chọn nhiều nghiên cứu để xóa khỏi danh sách.

Xóa chuỗi ảnh

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu sau đó chọn chuỗi ảnh và chọn Xóa. Sử dụng phím Shift-Nhấp chuột hoặc Ctrl-Nhấp chuột để chọn nhiều chuỗi ảnh từ danh sách.

LƯU Ý: Khuyến nghị thực hiện xóa mọi chuỗi ảnh trước khi bắt đầu bất kỳ phân tích nào.

Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp

Chuỗi ảnh chụp thứ cấp đã xác định NeoSoft, LLC là nhà sản xuất có thể bị xóa.



THẬN TRỌNG: Thao tác xóa chuỗi ảnh dữ liệu suiteHEART sẽ khiến xóa toàn bộ kết quả phân tích.

- 1. Chọn nghiên cứu và định vị chuỗi ảnh DỮ LIỆU suiteHEART.
- 2. Nhấp vào số chuỗi ảnh hoặc dấu + để mở cửa sổ Chi tiết chuỗi ảnh.

HÌNH 11. Chọn chuỗi ảnh

Freed	Series # "	Images	Description	Modali	ty Manufacturer	Transferred To	Transferred Date
Seria	38	3	PS:2D PSMDE	MR	GE MEDICAL SYSTEMS	CLINICALPACS	10/12/2020 5:10:16 PM
	39	104	14 Cal Body	MR	GE MEDICAL SYSTEMS	CLINICALPACS	10/12/2020 5:10:16 PM
Delete	40	60	15 Ao(BCT) PC	MR	GE MEDICAL SYSTEMS	CLINICALPACS	10/12/2020 5:10:16 PM
	41	60	16 PA PC	MR	GE MEDICAL SYSTEMS	CLINICALPACS	10/12/2020 5:10:16 PM
Show Preview	42	60	17 Ao PC	MR	GE MEDICAL SYSTEMS	CLINICALPACS	10/12/2020 5:10:16 PM
	3814	2	suiteHEART DATA	MR	NeoSoft LLC		
	3817	1	MAG:SSh PS MDE SPGR 2RR BH Normal HR	MR	NeoSoft LLC		
	3818		PS:SSh PS MDE SPGR 2RR BH Normal HR	MR	NeoSoft LLC		

 Chọn mũi tên phù hợp, nhấp vào Xóa. Để đóng, nhấp vào dấu X (ở góc trên bên phải của cửa sổ) hoặc nhấp vào Đóng.

HÌNH 12. Chi tiết chuỗi ảnh



Giới thiệu về suiteDXT

Thao tác chọn Giới thiệu trên Màn hình chính sẽ hiển thị phiên bản phần mềm của suiteDXT

Nhấp vào liên kết "Hướng dẫn sử dụng" để khởi chạy Hướng dẫn sử dụng (IFU).

Nhấp vào liên kết "Tuyên bố hợp quy DICOM" để khởi chạy tài liệu Tuyên bố hợp quy DICOM.

- LƯU Ý: Cần có trình đọc PDF để mở tệp tài liệu này.
- LƯU Ý: Nhấp vào "Lưu trữ tệp nhật ký để được hỗ trợ" để tạo tệp sẽ được bộ phận Dịch vụ sử dụng để khắc phục sự cố.

HÌNH 13. Màn hình giới thiệu



Tiền xử lý nghiên cứu

LƯU Ý: Không áp dụng mục này cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Tính năng Tiền xử lý nghiên cứu chỉ khả dụng với ứng dụng Phần mềm suiteHEART[®]. Tính năng này cho phép thực hiện tiền xử lý Chức năng, Lưu lượng, Đánh giá cơ tim, Ánh xạ T1 và Ánh xạ T2. Có thể sử dụng tính năng tiền xử lý cùng với tính năng Virtual Fellow[®].

- LƯU Ý: suiteDXT phải mở và đang chạy để hoàn thành quá trình tiền xử lý.
- LƯU Ý: Tính năng tiền xử lý sẽ bị vô hiệu hóa nếu phần cứng không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của hệ thống.

Cấu hình tiền xử lý

- 1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
- 2. Chọn tab Khởi chạy ứng dụng.
- Đánh dấu "Bật tính năng tự động phát hiện" cho từng loại ứng dụng.
 - LƯU Ý: Có thể tắt tính năng Tự động phát hiện bằng cách xác định tên chuỗi ảnh. Tham khảo Xác định mô tả chuỗi ảnh bên dưới.
- Đối với chức năng Ánh xạ T1 và T2, hãy chọn loại chuỗi ảnh của Chuỗi ảnh thời gian hoặc Bản đồ.
- 5. Chọn "Bật Virtual Fellow®" để thực hiện tối ưu hóa hình ảnh.
- Chọn "Tự động cập nhật" để kích hoạt khởi chạy nghiên cứu với quá trình xử lý diễn ra trong nền.
- 7. Nhấp vào OK.

Xác định mô tả chuỗi ảnh

- 1. Trên Màn hình chính, chọn một nghiên cứu từ ô nghiên cứu.
- 2. Chọn chuỗi ảnh từ ô chuỗi ảnh.
- Nhấp chuột phải trên tên chuỗi ảnh và chọn loại phân tích thích hợp cho chuỗi ảnh đó.
 Tên chuỗi ảnh sẽ tự động được nhập trong tab Khởi chạy ứng dụng.



4. Lặp lại đối với tất cả các loại chuỗi ảnh khác.



Sử dụng tính năng tiền xử lý

Tính năng tiền xử lý có thể được thực hiện cho các nghiên cứu MRI tim được gửi/đẩy trực tiếp đến suiteDXT từ một nút DICOM khác.

LƯU Ý: Khi kích hoạt tính năng Tự động cập nhật, có thể khởi chạy các nghiên cứu trong khi quá trình xử lý diễn ra trong nền.

Có thể bắt đầu tính năng tiền xử lý như sau:

Ô nghiên cứu

- 1. Chọn bệnh nhân từ ô nghiên cứu.
- 2. Nhấp chuột phải và chọn Tiền xử lý từ menu.



Cửa sổ truy vấn/truy xuất

Tham khảo mục Truy vấn/Truy xuất trong "Bắt đầu" và "Sử dụng suiteDXT".

Nút DICOM gửi tới suiteDXT

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.

Launch Application	[^s	tudy Filter					
suiteHEART	Launch	Al 📃	Refresh			Configuratio	n
Studies: 338							
End	Patient Name	Study Date	Patient ID	Study Description	Accession	Study ID	Modality
Find	Case 44, 20180922T153755	11/29/2017 9:36:20 AM	ANONYMOUS_20180	. Cardiac		ANONYMIZED	MR

- 2. Chọn cấu hình DICOM.
- 3. Chọn nút DICOM và nhấp vào Chỉnh sửa.
- 4. Chọn Tiền xử lý.
- 5. Nhấp vào OK.

Description	PACSA	🗹 Enabled	
AE Title	PACSA	Store to de	evice
Addres	\$ 155.2.2.2	Uuery dev	ice
, iddi co		Preprocess	sing
Por	t 4006		

Khi chọn "Tiền xử lý" và cấu hình tiền xử lý thì đèn báo "Tiền xử lý: BẬT" sẽ hiển thị trong ô trạng thái.

Disk Usage 📃	25.26%	Preprocessing : On	Virtual Fellow® : On

Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh Iam nhạt	Nghiên cứu đang được xử lý trước.
Hình tròn màu xanh Iam đậm	Nghiên cứu đang trong hàng đợi.
Hình tròn màu xanh lá	Hoàn thành tiền xử lý. Đèn báo sẽ vẫn sáng cho đến khi nghiên cứu được mở hoặc suiteDXT đã được khởi động.
Hình tròn màu đỏ	Tiền xử lý không thành công, vui lòng liên lạc với NeoSoft bằng cách gửi email đến địa chỉ service@neosoftmedical.com

End	Patient Name 👻	Patient ID	Study Date
1112	Q		
Send	#Case 31 #Cases (10)	ANONYMOUS_20200702T090158_ID	6/21/2017 1:34
	#Infarct/MVO T1 Mapping , 202010	ANONYMOUS_20201002T171321_ID	8/1/2017 7:43:
Import	#Myocarditis T1 Mapping	ANONYMOUS_20200702T114314_ID	1/8/2020 9:17:
	#Normal	ANONYMOUS_20190430T074604_ID	4/18/2019 9:50

Virtual Fellow[®]

Bật/tắt Virtual Fellow®

Từ màn hình chính suiteDXT, nhấp vào cấu hình để chọn tab "Khởi chạy ứng dụng". Chọn "Bật Virtual Fellow®" để thực hiện tối ưu hóa hình ảnh.

HÌNH 1. Màn hình cấu hình suiteDXT

Con	Configuration X			×		
DIC	COM Configuration	Local Storage	Application Launch	Permissions	Feature Licensing	
Г	Applications					
	Description	Lau	unch Command			
	suiteHEART	C:\	Program Files\Neo	Soft\suiteHE#	ART\suiteHEART.exe	
					-	
	_	Add	Edit		Delete	
			Preprocess	sina ———		
	Function Flow	Myocardial Ev	aluation T1 Mapping	T2 Mapping	1	
	Func	tion Series Descri	ption			
	Enable Auto Detection					
	5					
	Enable Virtual	Fellow®	🗹 Auto U	lpdate		
L					-0K	Cancel
					UN UN	Cancer

Cửa sổ xem trước hình ảnh



CẢNH BÁO: Hình ảnh không phù hợp để chẩn đoán và/hoặc điều trị.

Từ màn hình chính suiteDXT, chuyển đổi cửa sổ xem trước để hiển thị hoặc ẩn.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu được chọn bao gồm chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS Cine và/hoặc Báo cáo CAS, các chuỗi này sẽ tự động hiển thị trong cửa sổ xem trước, được minh họa trong Hình 2.



Launch Application	~	Study Filter		DISCLAIMER: Images are not suitable for diagnosis and/or treatment.
SUITEHEART	V Launch	Al ~	Refresh	
25	N. Contraction			
CStudies: 386	-			
Find	Patient Name	 Patient ID 	Study Date	ansferred To
	Q		a an	
Fred	😑 #Case 31	ANONYMOUS_20200702T090158_	ID 6/21/2017 1:34:41 PM	CLINICALPACS
aena	#Cases (10)			
	#Infarct/MVO TI Ma	pping, 202010 ANONYMOUS_20201002T171321_	ID 8/1/2017 7:43:11 AM	
Import	#Myocarditis TI Map	ping ANONYMOU5_20200702T114314_1	ID 1/8/2020 9:17:58 AM	
	#Normal	ANONYMOUS_2019043010/4604_	ID 4/18/2019 9:56:52 AM	
Anonymize	#Normal TiMapping	ANONYMOUS_2020/021151528	ID 1/25/2020 10:10:01 AM	
	#STR/REST_20190702	T111053 ANONYMOUS 201904231173924	D 7/18/2014 10-56-14 AM	
Delete	#Workshop Cases	2020 (61)		
	*Q FLOW	JM	4/27/2017 1:13:05 PM	
New Colder	01 4D Flow Secundum	ASD, 201705 ANONYMOUS_20170512T142618_	ID 1/20/2016 4:00:12 PM	Của số xem trước
New Folder	01 ALL MODES, 20171	113T162436 ANONYMOUS_20171113T162436_	ID 9/14/2017 11:14:55 AM	
	01 AS 0.9, 20170131T0	90646 ANONYMOUS_20170131T090646_	ID 4/29/2014 12:18:01 PM	
	< 01 DEMO MI/O Edom	• 2015120770 A MOAIVEROUS 201512077005222 /	ID 12/16/2012 10:28:28 AM	
e Carlas al				
36163. 45		Description	Modality Manufactures	
Send	38 3	PS:20 PSMDE	MR GE MEDICAL SYSTE	
	39 104	14 Cal Body	MR GE MEDICAL SYSTE	
Delete	40 60	15 Ao(BCT) PC	MR GE MEDICAL SYSTE	
	41 60	16 PA PC	MR GE MEDICAL SYSTE	
Hide Preview	42 60	17 Ao PC	MR GE MEDICAL SYSTE	MS AN
	3400 120	FAT: + C Ax LAVA	MR GE MEDICAL SYSTE	
	3700 16	MAG:SSh PS MDE SPGR 2RR BH Normal HR	MR GE MEDICAL SYSTE	
	3800 3	MAG-2D PSMDE	MR GE MEDICAL SYSTE	
	3813 1	PSISSEPS MDE SPGK 2KK BH Normal HK	MR Necsoft LLC	Các nút điệu
	41 3815 20	SAv Fiarta	MR NeoSoft LLC	
	3816 1	suiteHEART DATA	MR NeoSoft LLC	khiên cine
G.				

Disk Usage _____ 25.31% CITTLE Control Control

Dịch vụ và hỗ trợ

Lỗi mạng DICOM

Nếu không thể truy xuất để truyền nghiên cứu, xác nhận rằng tường lửa không chặn hoạt động truyền. Nếu tường lửa không phải là nguyên nhân dẫn đến sự cố, hãy kiểm tra để đảm bảo suiteDXT có thể phản hồi DICOM máy chủ từ xa và máy chủ từ xa có thể phản hồi DICOM suiteDXT.

- 1. Từ Màn hình chính, chọn Cấu hình.
- 2. Trên tab Cấu hình DICOM, chọn máy chủ từ xa mà đã thực hiện truy xuất và chọn Chỉnh sửa.
- 3. Đánh dấu vào các hộp kiểm để: Bật, Lưu vào thiết bị và Truy vấn thiết bị.
- 4. Xác minh rằng địa chỉ IP, Cổng và tiêu đề AE cho Đích DICOM là chính xác.

HÌNH 1. Cửa sổ cấu hình DICOM

DICOM Device Confi	iguration		×e
Local AE Title: Description AE Title Address Port	EARTHCC PACSA PACSA 155.2.2.2 4006	Enabled Store to device Query device Preprocessing	ce :)
	DICOM Echo	ОК	Cancel

- 5. Chọn Phản hồi DICOM.
- 6. Chọn cài đặt mạng và xác nhận rằng cổng được chọn mở và có thể truy cập trên máy chủ suiteDXT.
- 7. Truy xuất lại nghiên cứu.

Nếu sau khi thực hiện các bước trên, bạn vẫn không thể thực hiện truy xuất, hãy liên lạc với quản trị viên mạng.

Lỗi khởi chạy nghiên cứu

Nếu thông báo "Các nghiên cứu sau đây bị khóa và sẽ không tải được trong quá trình khởi chạy" xuất hiện khi cố gắng khởi chạy nghiên cứu, hãy thực hiện các bước sau:

- 1. Điều hướng đến danh mục nghiên cứu của suiteDXT.
- 2. Nhấp chuột phải vào nghiên cứu đã tạo ra thông báo lỗi.
- 3. Chọn "Mở khóa"

HÌNH 2. Mở khóa nghiên cứu

Send Study	>
Export Study	
Preprocess	>
Delete Protect	
Set Origin	
Unlock	
Delete	
Move to Folder	
Open Study Location	
	Send Study Export Study Preprocess Delete Protect Set Origin Unlock Delete Move to Folder Open Study Location

Khởi động lại dịch vụ

Nếu mạng vẫn bị lỗi, có thể khởi động lại dịch vụ suiteDXT DICOM.

- 1. Từ Màn hình chính, chọn Cấu hình.
- 2. Chọn tab Bộ lưu trữ cục bộ.
- 3. Nhấp vào Khởi động lại dịch vụ.

HÌNH 3. Khởi động lại dịch vụ

Configuration X						
DICOM Configuration Local Storage	Application Launch Permissions	Feature Licensing				
Disk Usage Warning Level						
		80%				
	Local DICOM File Location					
C:\ProgramData\WeoSoft\suiteDX	[\Images\	Browse				
	Maintenance					
Synchronize DB	Restart Service					
Auto Delete						
Disk Usage > 80 %		Time 12 00 AM 👻				
Study is fully transferred t	Study is fully transferred to a DICOM destination					
]				
Evport Eilenama Dattern	Export Settings					
Patient Name_Export Timestamp						
Patient Name	Patient ID	Study Description				
Accession	Study Date	Study ID				
Export Timestamp	Institution	Referring Phys				
		· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·				
		OK Cancel				

Liên hệ

Nếu bạn gặp sự cố trong quá trình cài đặt hoặc sử dụng suiteDXT, hãy liên lạc với bộ phận dịch vụ của NeoSoft, LLC tại địa chỉ service@NeoSoftmedical.com.